TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 37/2025/DS-ST
Ngày 15/9/2025
V/v "Tranh chấp hợp đồng tín dụng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1- QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Nguyễn Thị Thúy Ly;
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Nguyễn Mạnh Hùng;
2. Bà Nguyễn Thị Xuân Thương;

- Thư ký phiên tòa: Ông Đinh Văn Dương, Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi.

Ngày 15 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 1- Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 165/2025/TLST-DS ngày 25/6/2025 về *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng",* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 101/2025/QĐXXST-DS, ngày 20/8/2025 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn*: Ngân hàng N *(sau đây gọi là Ngân hàng);* địa chỉ: Số 2 L, phường G, Thành phố Hà Nội.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Ông Phạm Toàn V, chức vụ: Tổng giám đốc, địa chỉ nơi làm việc: Số 2 L, phường G, Thành phố Hà Nội, là người đại diện theo pháp luật của nguyên đơn; bà Nguyễn Thị Cẩm L, chức vụ: Phó Giám đốc Ngân hàng- Chi nhánh S; địa chỉ nơi làm việc: Số 463 đường N, phường T, tỉnh Quảng Ngãi, là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn *(Giấy ủy quyền số 370/GUQ-NHNo.ST ngày 20/8/2025)*, bà L có mặt.

2. Bị đơn: Ông Nguyễn Thuận H, sinh năm 1983 và bà Đỗ Thị Minh K, sinh năm 1986; cùng địa chỉ: Thôn Thọ Lộc Đông, xã Sơn Tịnh *(trước khi sáp nhập là thị trấn Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh)*, tỉnh Quảng Ngãi; đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Tại đơn khởi kiện đề ngày 11/4/2025, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của Ngân hàng trình bày:*

Ngày 06/6/2019, bà Đỗ Thị Minh K lập Giấy ủy quyền cho ông Nguyễn Thuận H được đại diện bà K xác lập, thực hiện các giao dịch liên quan đến việc vay vốn tại Ngân hàng N.

Ngày 07/6/2019, Ngân hàng N - Chi nhánh huyện S và ông Nguyễn Thuận H *(theo Giấy ủy quyền ngày 06/6/2019)* ký Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng số 4512-LAV-201903047 cho ông H, bà K vay số tiền 200.000.000

đồng, mục đích vay: mục đích để chăn nuôi bò sinh sản, lãi suất tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng 10,5%/năm, lãi suất quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn; thời hạn vay 24 tháng *(từ ngày 07/6/2019 đến hết ngày 07/6/2021).*

Trong thời gian vay vốn, ông H, bà K trả được nợ gốc là 22.500.000 đồng; trả được nợ lãi đến ngày 07/9/2022 với tổng số tiền là 66.236.827 đồng, ông H, bà K vi phạm nghĩa vụ, không trả nợ cho Ngân hàng. Ngân hàng đã nhiều lần thông báo cho ông H, bà K thực hiện nghĩa vụ trả nợ, nhưng ông H, bà K trốn tránh, không thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

Ông H, bà K được Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Sơn Tịnh cho vay không có tài sản đảm bảo theo quy định tại Nghị định 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/201 của Chính phủ "*Về Chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn"* và Nghị định số 116/2018/NĐ-CP ngày 07/09/2018 của Chính phủ *"V/v Sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị Định số 55/2015/NĐ-CP ngày 09/06/2015 của Chính phủ về chính sách tín dụng phục vụ phát triển nông nghiệp, nông thôn*". Do đó, khi vay vốn ông H, bà K có đưa cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Sơn Tịnh giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR158215 đối với thửa đất số 1400, tờ bản đồ số 26 tại xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 22/10/2013 cho ông Nguyễn Thuận H.

Nay Ngân hàng N yêu cầu Tòa án giải quyết:

Buộc ông Nguyễn Thuận H và bà Đỗ Thị Minh K pH trả cho Ngân hàng N tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 15/9/2025 là 278.414.857 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 177.500.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 59.152.741 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 41.762.116 đồng.

Ông H, bà K còn pH tiếp tục trả nợ lãi phát sinh kể từ ngày 16/9/2025 cho đến khi trả xong các khoản nợ cho Ngân hàng theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng số 4512-LAV-201903047 ngày 07/6/2019. Ngân hàng đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR158215 đối với thửa đất số 1400, tờ bản đồ số 26 tại xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 22/10/2013 cho ông Nguyễn Thuận H sau khi tất toán xong hợp đồng.

** Tại Đơn xin gia hạn đề ngày 18/8/2025, Bản tự khai ngày 18/8/2025, trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Nguyễn Thuận H trình bày:*

Bà Đỗ Thị Minh K bận công việc nên không thể đến Tòa án làm việc nhưng bà K và ông H thống nhất chung một ý kiến, bị đơn thống nhất với toàn bộ trình bày của Ngân hàng và đồng ý yêu cầu trả nợ của Ngân hàng. Bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết vấn đề liên quan đến Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR158215 đối với thửa đất số 1400, tờ bản đồ số 26 tại xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 22/10/2013 cho ông H mà bị đơn đã tự nguyện giao cho Ngân hàng giữ khi vay vốn.

** Bị đơn bà Đỗ Thị Minh K đã được triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng không có văn bản ghi ý kiến gởi đến Tòa án và không đến Tòa làm việc.*

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1.] Nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn thực hiện nghĩa vụ thanh toán theo hợp đồng tín dụng nên Tòa án xác định quan hệ tranh chấp của vụ án là *"Tranh chấp hợp đồng tín dụng"*.

[1.2.] Căn cứ khoản 1 Điều 11 Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng số 4512-LAV-201903047 ngày 07/6/2019 và khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự, Điều 5 Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1-Quảng Ngãi.

[1.3] Tòa án đã triệu tập hợp lệ đến phiên tòa hai lần nhưng bị đơn ông H, bà K vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vụ án vắng mặt bị đơn tại phiên tòa.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét yêu cầu của Ngân hàng về việc yêu cầu bị đơn Nguyễn Thuận H và bà Đỗ Thị Minh K pH thanh toán số tiền còn nợ, Hội đồng xét xử thấy rằng:

Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng số 4512-LAV-201903047 ngày 07/6/2019 được ký giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện Sơn Tịnh với ông H, bà K *(bà K ủy quyền cho ông H vay vốn theo Giấy ủy quyền ngày 06/6/2019)* trên cơ sở tự nguyện, không trái pháp luật, đạo đức xã hội, tuân thủ các quy định của pháp luật về nội dung và hình thức nên được pháp luật thừa nhận và bảo vệ.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng bị đơn, ông H thống nhất yêu cầu khởi kiện, bà K không có ý kiến phản đối yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng. Vì vậy, căn cứ khoản 2, 4 Điều 91 và khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử vụ án căn cứ những chứng cứ đã thu thập được có trong hồ sơ, không pH chứng minh, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu ông H, bà K trả tổng số tiền nợ tính đến hết ngày 15/9/2025 là 278.414.857 đồng. Trong đó: Tiền nợ gốc là 177.500.000 đồng, tiền nợ lãi trong hạn là 59.152.741 đồng, tiền nợ lãi quá hạn 41.762.116 đồng, tiếp tục trả tiền lãi phát sinh kể từ ngày 16/9/2025 cho đến khi trả xong các khoản nợ theo mức lãi suất được các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng là có căn cứ, Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.2] Khi ký Sổ vay vốn kiêm phương án sử dụng số 4512-LAV-201903047 ngày 07/6/2019, ông H, bà K có giao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số BR158215 đối với thửa đất số 1400, tờ bản đồ số 26 tại xã Tịnh Hà, huyện Sơn Tịnh, tỉnh Quảng Ngãi cấp ngày 22/10/2013 cho ông H để Ngân hàng giữ. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, ông H thống nhất việc Ngân hàng đồng ý trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất cho ông H, bà K sau khi ông H, bà K đã tất toán xong hợp đồng vay; ông H, bà K cũng không có bất kỳ yêu cầu gì đối với Giấy chứng nhận quyền sử

dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất trong vụ án này, nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về án phí: Ông H, bà K pH chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả tiền tạm ứng án phí đã nộp cho Ngân hàng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 463, 466, 468 của Bộ luật Dân sự; khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40, khoản 2, 4 Điều 91, khoản 2 Điều 92, 144, 147, 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 91, 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016, Nghị quyết 01/2025/NQ-HĐTP ngày 27/6/2025 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N.

2. Buộc ông Nguyễn Thuận H và bà Đỗ Thị Minh K pH thanh toán cho Ngân hàng N tổng số tiền là 278.414.857 đồng *(Hai trăm bảy mươi tám triệu, bốn trăm mười bốn nghìn, tám trăm năm mươi bảy đồng).* Trong đó: Tiền nợ gốc là 177.500.000 đồng (*Một trăm bảy mươi bảy triệu, năm trăm nghìn đồng),* tiền nợ lãi trong hạn là 59.152.741 đồng *(năm mươi chín triệu, một trăm năm mươi hai nghìn, bảy trăm bốn mươi mốt đồng),* tiền nợ lãi quá hạn 41.762.116 đồng *(Bốn mươi mốt triệu, bảy trăm sáu mươi hai nghìn, một trăm mười sáu đồng) (tính đến ngày 15/9/2025)*

3. Kể từ ngày 16/9/2025, ông Nguyễn Thuận H và bà Đỗ Thị Minh K còn pH tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Thuận H và bà Đỗ Thị Minh K pH chịu 13.920.742 đồng *(Mười ba triệu, chín trăm hai mươi nghìn, bảy trăm bốn mươi hai đồng)* án phí dân sự sơ thẩm.

Hoàn trả cho Ngân hàng N số tiền 6.645.430 đồng *(Sáu triệu, sáu trăm bốn mươi lăm nghìn, bốn trăm ba mươi đồng)* tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0001496 ngày 23/6/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi *(nay là Phòng Thi hành án dân sự khu vực 1- Quảng Ngãi).*

5. Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc niêm yết bản án.

6. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự, điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người pH thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án, hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND khu vực 1- Quảng Ngãi;
- Phòng THADS khu vực 1- Quảng Ngãi;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Thúy Ly